

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 597/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị Đình

Thị N và anh Trần Duy D.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Triệu Văn Giản

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24-10-2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 435/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18-10-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đình Thị N, sinh năm 1983; Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 6/14 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định; Hiện cư trú tại: Số 34 phố H, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Trần Duy D, sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại: Số 6/14 đường T, phường B, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N có mặt. Anh D vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29-7-2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Duy D tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách, vì thế vợ chồng thường xuyên va chạm cãi vã. Hai bên cũng đã hòa giải nhưng do mâu thuẫn kéo dài đã lâu nên vợ chồng tiếp tục bất hòa không cải thiện được tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi được một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Duy D.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Ngọc E, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004 và Trần Khánh L, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2007. Hiện nay cháu E đang sống với chị còn cháu L đang sống với anh D. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc E và nhất trí giao cháu Trần Khánh L cho anh D nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Đinh Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố N đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Duy D theo quy định của pháp luật nhưng anh D không đến làm việc nên không có lời khai tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh quan hệ hôn nhân và con chung của đương sự, đại diện chính quyền địa phương nơi chị N và anh D cư trú đã xác nhận: Quá trình chung sống chị N và anh D có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về lối sống, tính cách. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Chị N và anh D có hai con chung là Trần Ngọc E và Trần Khánh L. Hiện nay cháu E đang sống với chị N còn cháu L đang sống với anh D và ông bà nội. Nay chị E làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh D, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cháu E có đơn đề nghị được ở với chị N, cháu L có đơn đề nghị được ở với anh D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

- Về quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Chị N chấp hành nghiêm túc theo giấy triệu tập của Tòa án, anh D

trong suốt quá trình giải quyết vụ án không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho chị Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Ngọc E, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004. Giao cho anh Trần Duy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2007. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Đinh Thị N không yêu cầu, anh Trần Duy D không có yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Duy D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của đương sự và xác minh của Tòa án cho thấy: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm tính cách. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi được một năm nay. Tòa án tiến hành hòa giải để đương sự đoàn tụ gia đình nhưng anh D không đến tham gia, chị N có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải nữa. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị N và anh D không còn khả năng hàn gắn, hai bên cũng không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình. Hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ xử lý hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tranh chấp nuôi con chung:

Hiện nay, chị N đang làm nghề tự do nếu phải nuôi cả hai con chung sẽ có khó khăn về điều kiện kinh tế, thời gian chăm sóc con. Mặt khác, cháu Trần Ngọc E có đơn đề nghị được ở với chị N, cháu Trần Khánh L có đơn đề nghị được ở với anh D. Cháu E và cháu L tính đến thời điểm chị N và anh D ly hôn đã trên 07 tuổi nên nguyện vọng này của con chung cần được ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con....; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”* Do đó, yêu cầu của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu E và giao anh D nuôi dưỡng cháu L, hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với thực tế, có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Ngọc E-sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004, giao cho anh Trần Duy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh L-sinh ngày 03 tháng 5 năm 2007 là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, công nợ và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Chị Đinh Thị N không yêu cầu, anh Trần Duy D không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị N là nguyên đơn nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Ngọc E, sinh ngày 06 tháng 8 năm 2004; giao cho anh Trần Duy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2007. Chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Đinh Thị N và anh Trần Duy D đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị N phải nộp 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0002434 ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS thành phố N;
- UBND phường B;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng